TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2016*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...C.....
Ngày: 28/6/2016

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 11, Điều 14, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 29, Điều 36; khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 54; khoản 2 Điều 58; khoản 4 Điều 60; khoản 3 Điều 76 của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, bao gồm:

1. Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Phạm vi vùng bờ; lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

3. Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

4. Hành lang bảo vệ bờ biển; hạn chế các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Phân loại hải đảo.

6. Xác định và thông báo về khu vực hạn chế hoạt động để ưu tiên cho hoạt động cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố.

7. Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi Giấy phép nhận chìm ở biển; Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

8. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo Việt Nam.

Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều 3. Lập chiến lược

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng Đề cương chiến lược và gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển). Đề cương chiến lược gồm các nội dung chính sau:

a) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của chiến lược;

b) Các căn cứ lập chiến lược;

c) Phạm vi, thời kỳ lập, tầm nhìn chiến lược;

d) Các định hướng và nội dung chủ yếu của chiến lược.

2. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng dự thảo chiến lược, lấy ý kiến về dự thảo chiến lược theo quy định tại Điều 4 Nghị định này; tổ chức đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Lấy ý kiến về dự thảo chiến lược

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Gửi dự thảo chiến lược kèm theo báo cáo thuyết minh và dự thảo Tờ trình phê duyệt chiến lược để lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển;

b) Đăng công khai toàn văn dự thảo Tờ trình phê duyệt chiến lược, dự

thảo chiến lược và báo cáo thuyết minh trên trang thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển.

2. Các cơ quan được lấy ý kiến về dự thảo chiến lược có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì lập chiến lược.

Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn về dự thảo chiến lược; tổng hợp các ý kiến góp ý và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; đăng công khai báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình trên trang thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển.

Điều 5. Thẩm định chiến lược

1. Hồ sơ thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định chiến lược;

b) Dự thảo Tờ trình phê duyệt chiến lược;

c) Dự thảo chiến lược và báo cáo thuyết minh;

d) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan.

2. Nội dung thẩm định gồm:

a) Các căn cứ lập chiến lược;

b) Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu của chiến lược;

c) Sự phù hợp và tính khả thi của chiến lược với yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo để phát triển bền vững.

3. Việc thẩm định chiến lược được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập với cơ cấu gồm 01 Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 Ủy viên phản biện, 01 Ủy viên thư ký và các Ủy viên khác là đại diện của các bộ, ngành có liên quan và một số chuyên gia, nhà khoa học.

4. Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được thành lập, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định và gửi báo cáo kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì lập chiến lược để tiếp thu, hoàn thiện dự thảo chiến lược.

Điều 6. Phê duyệt, công bố chiến lược

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ chiến lược và trình Chính phủ phê duyệt.

2. Hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt chiến lược gồm:

a) Tờ trình phê duyệt chiến lược;

b) Dự thảo chiến lược và báo cáo thuyết minh;

c) Báo cáo kết quả thẩm định chiến lược;

d) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của hội đồng thẩm định và ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan;

e) Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về phê duyệt chiến lược.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chiến lược được Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố chiến lược và công khai chiến lược trong suốt kỳ chiến lược.

Điều 7. Thực hiện chiến lược

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển tổ chức, kiểm tra việc thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có biển có trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chiến lược của ngành, địa phương có nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường cho phù hợp với chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

3. Định kỳ 05 năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đánh giá việc thực hiện chiến lược, trường hợp cần thiết kiến nghị Chính phủ điều chỉnh chiến lược để bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Chương III
PHẠM VI VÙNG BỜ; LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ; LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ

Mục 1
PHẠM VI VÙNG BỜ; LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ

Điều 8. Phạm vi vùng bờ

1. Vùng bờ bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển.

2. Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố.

3. Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển.

Điều 9. Lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng Đề cương quy hoạch và gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển. Đề cương quy hoạch gồm các nội dung chính sau:

a) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;

b) Các căn cứ lập quy hoạch;

c) Phạm vi, thời kỳ lập, tầm nhìn quy hoạch;

d) Mục tiêu, các định hướng và nội dung chủ yếu của quy hoạch.

2. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng dự thảo quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 10 Nghị định này; tổ chức đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Lấy ý kiến về dự thảo quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi dự thảo quy hoạch kèm theo báo cáo thuyết minh để lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển và lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.